

Bản án số: 100/2019/HS-ST
Ngày 03-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Huỳnh

2. Bà Lê Thị Xuân Lang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Lệ Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 104/2019/HSST ngày 18 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1008/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T; giới tính: nam; sinh năm 1996 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A đường PT, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A1 đường TH, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: sửa xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: TVC và bà: VTT; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giam từ ngày: 22/12/2017 (có mặt).

2. Nguyễn Văn Vũ H; giới tính: nam; sinh năm 1976 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A2 đường HNC, phường B1, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A3 đường NNN, phường B2, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; con ông: NVĐ và bà: VTR; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 06/10/1998, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về “Tội Cướp giật tài sản của công dân”; tổng hợp hình phạt với Bản án số 143/HSST ngày 25/11/1997 (xử phạt 02 năm tù về “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”) buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm tù (Bản án số 1972/HSST – BL 294-296); ngày 26/6/2001, chấp hành xong án phạt tù;

- Ngày 28/11/2002, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù, về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 năm tù, về “Tội Trộm cắp tài sản”; bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 năm tù (Bản án số 1681/HSST – BL 290-293, 301-304); ngày 06/6/2011, chấp hành xong hình phạt tù (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 328/GCN-CHXHPT của Giám thị Trại giam Xuyên Mộc);

- Ngày 27/8/2013, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về “Tội Trộm cắp tài sản” (Bản án số 171/2013/HSST – BL 297-299); ngày 14/11/2016, chấp hành xong án phạt tù (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 761/GCN của Giám thị Trại giam Xuyên Mộc)

Bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 8355 ngày 03/3/2014 và án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 8356 ngày 03/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú; riêng về trách nhiệm bồi thường cho bị hại, đến nay Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú chưa nhận được đơn yêu cầu của bên được thi hành án (Biên bản trả lời xác minh của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú ngày 27/4/2018 – BL 300);

Bị bắt, tạm giam từ ngày: 21/12/2017 (có mặt).

3. Nguyễn Vũ Phi D; giới tính: nam; sinh năm 1982 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A2 đường HNC, phường B1, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A4 đường NNN, phường B2, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; con ông: NVĐ và bà: VTR; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012); tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giam từ ngày: 21/12/2017 (có mặt).

- Bị hại:

1. Bà Quách Phương N, sinh năm: 1996

Thường trú: số A5 đường CVL, Phường B4, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở: số A6 đường TĐX, phường B5, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bà Ngô Thị Thúy L, sinh năm: 1989

Trú tại: A7 đường TL, phường B3, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Kiều D1, sinh năm: 1992

Thường trú: thôn N, xã B20, huyện C14, thành phố Hà Nội

Chỗ ở: số A8 đường LK, phường B6, quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

4. Ông Phan Tấn Đ, sinh năm: 1995
Thường trú: số A9 KVBD, phường B21, quận C15, thành phố Cần Thơ
Chỗ ở: số A10 đường BPD, Phường B7, Quận C5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)
5. Bà Trương Thị H1, sinh năm: 1963
Trú tại: số A11 đường CMTT, Phường B8, Quận C6, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)
6. Bà Phạm Thị H2, sinh năm: 1978
Trú tại: số A12 KPTP, phường B22, thị xã C16, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)
7. Ông Nguyễn Công Q, sinh năm: 1993
Trú tại: số A13 đường PVC, Phường B9, quận C7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)
8. Bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm: 1988
Thường trú: ấp KĐ, xã B23, huyện C17, tỉnh Thừa Thiên Huế
Chỗ ở: số A14 đường PA, phường B10, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)
9. Ông Võ Thái Hoàng H4, sinh năm: 1990
Trú tại: số A15 đường LK, phường B11, quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)
10. Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm: 1994
Trú tại: số A16 ấp VDD, xã B24, huyện C18, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)
11. Bà Thạch Thị Cẩm T1, sinh năm: 1997
Thường trú: số A17 ấp TM, xã B25, huyện C19, tỉnh Trà Vinh
Chỗ ở: số A18 đường TXS, phường B10, Quận C8, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)
12. Bà Lê Ngọc L2, sinh năm: 1980
Trú tại: số A19 đường TN, phường B29, thị xã C16, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)
13. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1985
Thường trú: số A20 xã B19, huyện C9, Thành phố Hồ Chí Minh
Chỗ ở: số A21 đường VVK, Phường B12, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)
14. Ông Phan Nhật M, sinh năm: 1993
Thường trú: Số A22 HP, quận C20, thành phố Đà Nẵng

Chỗ ở: số A21 đường VVK, Phường B12, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

15. Bà Trần Thị Duy H5, sinh năm: 1994

Thường trú: TA, PT, XM, Bà Rịa – Vũng Tàu

Chỗ ở: số A21 đường VVK, Phường B12, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà T.T.T.H6, sinh năm: 1957

Địa chỉ: số A15 đường LK, phường B11, quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bà L.C.N1, sinh năm: 1993

Trú tại: số A23 đường TQĐ, Phường B13, quận C10, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3. Ông H.V.L3, sinh năm: 1976

Trú tại: số A24 ấp D, xã B26, huyện C21, Long An (vắng mặt)

4. Ông N.V.K, sinh năm: 1976

Trú tại: ấp C, xã B27, huyện C22, tỉnh Bình Phước (có mặt)

5. Ông H.H.H7, sinh năm: 1986

Thường trú: số A25 đường HBT, thành phố C23, tỉnh Nam Định

Chỗ ở: số A26 đường LBB, phường B14, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh (tiệm cầm đồ LG) (vắng mặt)

6. Ông H.S.P, sinh năm: 1989

Trú tại: số A27 đường VC, phường B15, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh (tiệm cầm đồ TP) (vắng mặt)

7. Ông V.H.C, sinh năm: 1981

Trú tại: số A28 đường VL, phường B15, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh (tiệm cầm đồ TC) (vắng mặt)

8. Ông D.A.H8, sinh năm: 1972

Thường trú: số A29 đường NBT, phường B1, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở: ấp TL, Phường B15, huyện C11, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

9. Bà P.T.T2, sinh năm: 1980

Trú tại: số A30 đường LK, phường B6, quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

10. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm: 1987

Trú tại: số A13 đường PVC, Phường B9, quận C7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

11. Ông T.C1, sinh năm: 1967

Thường trú: số A17 ấp TM, xã B25, huyện C19, tỉnh Trà Vinh

Chỗ ở: số A18 đường TXS, phường B10, Quận C8, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

12. Ông B.V.T3, sinh năm: 1971

Trú tại: số A31 ấp E, xã B16, huyện C9, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

13. Ông T.Q1, sinh năm: 1993

Trú tại: xóm E1, thôn Long Thạnh 1, xã B28, huyện C24, Tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt)

14. Bà N.T.T.M1, sinh năm: 1987

Trú tại: khu E2, TP, MX, Sóc Trăng

Chỗ ở: số A32 khu phố E3, phường B16, Quận C12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

15. Bà L.T.M.P1, sinh năm: 1990

Trú tại: số A21 đường VVK, Phường B12, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- *Người bào chữa:*

Ông N.T.S - Luật sư của Văn phòng Luật sư CQ – chi nhánh ĐS, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ Phi D (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

■ Diễn biến vụ án:

Ngày 16/12/2017, bị cáo Trần Văn T đến tiệm game bắn cá trên đường ADV, Quận C25, Thành phố Hồ Chí Minh để chơi game thì gặp đối tượng tên Thì (không rõ lai lịch) cùng chơi chung. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 17/12/2017, đối tượng Thì rủ bị cáo T đi tìm kiếm nhà nào có tài sản sơ hở để trộm cắp lấy tiền chơi game, T đồng ý. T5 điều khiển xe Vision màu đen (không rõ biển số) chở T ngồi sau. Khi cả hai đến trước số nhà 1302 Võ Văn Kiệt, Phường B12, Quận C2 thì T phát hiện trong nhà đèn vẫn sáng, cửa nhà khép hờ, không khóa. T nhìn vào trong phát hiện có khoảng 10 chiếc xe gắn máy không có người trông coi nên mở cửa vào trong. Lúc này, T thấy có chiếc xe Vision màu trắng biển số 59H1-537.64 của bà Quách Phương N để gần cửa, bị cáo dùng đoạn chữ L mang theo bẻ ổ khóa nhưng không được nên dắt chiếc xe này

ra ngoài để T5 chạy xe máy đẩy về gửi tại bãi xe số 129 Lạc Long Quân, Phường B, Quận C.

Sau đó, đối tượng T5 tiếp tục chở bị cáo T đến căn nhà trên để trộm chiếc Exciter biển số 93G1-056.65 của ông Nguyễn Quang V và cả hai cùng chạy về tiệm game bắn cá trên đường ADV, Quận C25 tiếp tục chơi game. Lát sau, T rủ đối tượng tên T.C2 (không rõ lai lịch) đi đến căn nhà trên trộm tiếp, T.C2 đồng ý. T điều khiển chiếc xe Exciter vừa trộm được chở T.C2 phía sau. Khi đến nơi, T.C2 đi vào trong trộm được 01 chiếc xe máy điện của bà L.T.M.P1 đẩy ra ngoài để T bẻ khóa. T.C2 điều khiển xe máy điện, T điều khiển chiếc Exciter về và để xe lại tiệm game. Sau đó, tên T5 tiếp tục dùng xe Vision màu đen chở T và T.C2 đến căn nhà trên để tiếp tục trộm cắp. T và T.C2 đi vào trong nhà, T bẻ khóa được chiếc Vision màu đen biển số 72G1-477.41 của bà Trần Thị Duy H5 nhưng không nổ máy nên đưa cho T.C2 đẩy ra ngoài chờ. T tiếp tục bứt dây nổ máy lấy trộm được chiếc Wave biển số 43K3-2923 của ông Phan Nhật M. T điều khiển xe Wave chạy về tiệm game, T.C2 ngồi trên chiếc Vision biển số 72G1-477.11 vừa trộm được để chờ T5 đi gửi ở đâu thì bị cáo không rõ. Sau đó, tất cả tập trung tại tiệm game và thống nhất chia như sau: chiếc xe Vision màu trắng biển số 59H1-537.64 và chiếc Exciter biển số 93G1-056.65 chia cho T, chiếc Wave biển số 43K3-2923 chia cho T.C2, chiếc Vision màu đen biển số 72G1-477.41 và chiếc xe máy điện chia cho đối tượng tên T5 rồi tất cả đi về.

Sau đó, T có gọi điện cho bạn gái là bà N.T.B.N2 tìm người mua lại thì Ngọc giới thiệu để T gặp em họ Ngọc là bà L.C.N1. Khoảng 10 giờ 00 ngày 17/12/2017, bà N1 có điện thoại cho bị cáo Nguyễn Văn Vũ H nói Trần Văn T vừa trộm được một chiếc xe Vision và sẽ bán với giá 9.000.000 đồng. Do đã có ý định mua xe bán lại kiếm lời nên H đồng ý và hai bên đã hẹn nhau gần cầu Tân Hóa, Quận C để xem xe. Tại đây, H được T, N1 cho xem chiếc xe vision màu trắng, gắn biển số 59H1-537.64, không có giấy tờ và xe không có chìa khóa, đang được đấu dây nguồn để chạy. Bị cáo H đồng ý mua và giao tiền cho T để ra về, T cho N1 400.000 đồng, còn lại tiêu xài hết. Riêng chiếc Exciter biển số 93G1-056.65, T sử dụng đến ngày 18/12/2017, T giao xe cho Huỳnh Ngọc Mẫn điều khiển chở T ngồi phía sau lưu thông trên đường Lê Cảnh Tuân, phường B15, Quận C1 thì bị Công an phường Phú Thọ Hòa kiểm tra hành chính. Do T và Mẫn không xuất trình được giấy tờ xe nên bị thu giữ.

Ngày 18/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Hồ Chí Minh phối hợp với Công an phường Tân Quý, quận Tân Phú kiểm tra hành chính tại chung cư Gò Dầu 1, khu phố 9, phường B2, quận C1 tạm giữ xe của Nguyễn Vũ Phi D 01 xe Vision màu trắng, gắn biển số 83P2-090.95 (có biển số ban đầu là 59H1-537.64). Sau khi mua xe, H về nói lại cho Nguyễn Vũ Phi D biết vừa mua một chiếc xe trộm cắp mà có, kêu Dũng lấy biển số 83P2-090.95 thay cho biển số 59H1-537.64 rồi gửi tại nhà xe chung cư Gò Dầu 1, khi nào H kiếm được người mua sẽ ghé lấy, H cho Dũng 500.000 đồng. Tuy nhiên, H chưa kịp tiêu thụ thì bị kiểm tra thu giữ.

Riêng biển số 83P2-090.95 qua xác minh, biển số trên được cấp cho xe Airblade của bà N.T.T.M1, xe của bà bị mất trộm vào ngày 23/8/2017.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 180/HĐĐG ngày 29/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5 kết luận: xe Exciter biển số 93G1-056.65 có giá 20.000.000 đồng/chiếc; xe Vision biển số 72G1-477.11 có giá 25.000.000 đồng/chiếc; xe Vision biển số 59H1-537.64 có giá 20.000.000 đồng/chiếc; xe Wave biển số 43K3-2923 có giá 5.000.000 đồng/chiếc. Riêng chiếc xe máy điện do không xác định được nhãn hiệu, kiểu dáng nên không tiến hành định giá (BL 195).

Tại cơ quan điều tra Trần Văn T, Nguyễn Văn Vũ H và Nguyễn Vũ Phi D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra H và Dũng còn khai nhận ngoài vụ tiêu thụ chiếc xe gắn máy nêu trên, trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017 còn thực hiện các vụ tiêu thụ xe gắn máy khác. Khi các đối tượng trộm cắp được xe sẽ chủ động liên lạc với H và đến số A4 đường NNN, phường B2, Quận C1 để bán xe. Sau khi mua xe của các đối tượng trên, H giao lại cho Dũng rửa xe, thay biển số để bán lại hoặc nếu xe có giấy tờ đầy đủ thì H sẽ đưa cho Dũng hoặc N.Đ.T4 (bạn H) mang đến các tiệm cầm đồ để cầm cố nhằm hưởng chênh lệch. Kết quả điều tra xác định được có 11 xe gắn máy là xe bị mất trộm và xác định được bị hại. Riêng các chiếc xe gắn máy còn lại đã xác minh được chủ sở hữu nhưng chưa ghi được lời khai nên chưa xác định được có phải là xe mất trộm hay không, cụ thể:

Các trường hợp thu giữ được xe đã xác định được là xe bị mất trộm và xác định được bị hại, cụ thể như sau:

➤ Vụ thứ 1:

Ngày 05/11/2017, tên Tý không rõ lai lịch đem chiếc xe Vision biển số 59D1-328.22 và giấy đăng ký xe mang tên Ngô Thị Thúy L do trộm cắp được đến số A4 đường NNN bán cho H với giá 9.000.000 đồng. Cùng ngày H đưa chiếc xe này cùng giấy phép đăng ký xe mang tên Ngô Thị Thúy L cho Nguyễn Vũ Phi D đem đến tiệm cầm đồ TP lập hợp đồng cầm với số tiền 10.000.000 đồng và Dũng ký, ghi họ tên Nguyễn Vũ Phi D. H cho Dũng 500.000 đồng.

Qua xác minh được biết, chiếc xe Vision biển số 59D1-328.22 do bà Ngô Thị Thúy L đứng tên chủ sở hữu. Bà L cho biết khoảng tháng 8/2017, có đưa xe cho chồng là Trần Khánh Tường sử dụng thì bị mất trộm tại địa chỉ A7 đường TL, phường B3, quận C1 nhưng do mới vừa sinh con và bà về Bến Tre sinh sống nên không trình báo sự việc mất trộm.

Tại bản Kết luận giám định số 920/KLGD-X (Đ 3) ngày 08/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: xe gắn máy biển số: 59D1-328.22 có số khung, số máy nguyên thủy, không thay đổi (BL 847).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố

thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá 18.525.000 đồng (BL 893-897).

Tại bản Kết luận giám định số 631/KLGD-TT ngày 12/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: giấy đăng ký xe mang tên Ngô Thị Thúy L là giấy thật (BL 869).

➤ Vụ thứ 2:

Khoảng 17 giờ 00 ngày 13/11/2017, bạn của N.Đ.T4 đem chiếc Vision biển số 50N1-083.94 và giấy phép đăng ký xe mang tên P.T.T2 vừa trộm cắp được đến số A4 đường NNN bán cho Nguyễn Văn Vũ H với giá 10.000.000 đồng. Sau đó, H đưa cho D.A.H8 thay ổ khóa với giá 200.000 đồng. Ngày 13/12/2017, bị cáo H đưa chiếc xe này và giấy phép đăng ký xe cho Nguyễn Vũ Phi D đến tiệm cầm đồ TC cầm với số tiền 15.000.000 đồng và Dữ ký, ghi tên Nguyễn Vũ Phi D. H cho Dữ 500.000 đồng.

Qua xác minh được biết, chiếc xe có biển số 50N1-083.94 là xe Vision do bà P.T.T2 đứng tên chủ sở hữu. Bà T2 cho biết có đứng tên giùm xe trên cho người bạn là bà Nguyễn Thị Kiều D1. Qua ghi lời khai, bà D1 cho biết có nhờ bà T2 đứng tên giùm, ngày 16/11/2017 bị mất trộm trước nhà số A8 đường LK, phường B6, quận C4. Bà D1 có trình báo mất trộm tại Công an phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân.

Tại bản Kết luận giám định số 902/KLGD-X (Đ 3) ngày 08/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: xe gắn máy biển số 50N1-083.94 có số khung, số máy nguyên thủy, không thay đổi (BL 839).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá 20.868.333 đồng (BL 893-897).

Tại bản Kết luận giám định số 631/KLGD-TT ngày 12/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: giấy đăng ký xe mang tên P.T.T2 là giấy thật (BL 869).

➤ Vụ thứ 3:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 21/11/2017, đối tượng tên Duy (không rõ lai lịch) đem chiếc xe Sirius biển số 65D1-282.93 và giấy phép đăng ký xe mang tên Phan Tấn Đ vừa trộm cắp được đến số A4 đường NNN bán cho H với giá 7.500.000 đồng. Ngày 22/11/2017, H đưa chiếc xe này cùng với giấy đăng ký xe cho N.Đ.T4 đem đến tiệm cầm đồ LG cầm số tiền 8.000.000 đồng và T4 ký, ghi họ tên N.Đ.T4, H cho T4 300.000 đồng.

Qua xác minh được biết, chiếc xe có biển số 65D1-282.93 là xe Sirius do ông Phan Tấn Đ đứng tên chủ sở hữu. Qua lời khai, Đ cho biết mình bị mất trộm chiếc xe trên vào ngày 17/11/2017 tại trước nhà số A10 đường BPD, Phường B7, Quận C5. Ông Đ có trình báo tại Công an Phường 16, Quận 8.

Tại bản Kết luận giám định số 917/KLGD-X (Đ 3) ngày 08/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: xe gắn máy biển số 65D1-282.93 có số khung, số máy nguyên thủy, không thay đổi (BL 841).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá 14.503.333 đồng (BL 893-897).

Tại bản Kết luận giám định số 1207/KLGD-TT ngày 27/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giấy đăng ký xe mang tên Phan Tấn Đ là giấy thật (BL 866-868).

➤ Vụ thứ 4:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 21/11/2017, các đối tượng tên Salim và tên Gấu (không rõ lai lịch) đem chiếc xe Wave biển số 59U1-589.28 và giấy phép đăng ký xe mang tên Trương Thị H1 vừa trộm cắp được đến số A4 đường NNN bán cho H với giá 6.000.000 đồng. Ngày 22/11/2017, H đưa chiếc xe này cùng với giấy đăng ký xe cho N.Đ.T4 đem đến tiệm cầm đồ TP cầm số tiền 8.000.000 đồng và T4 ký, ghi họ tên N.Đ.T4, H cho T4 300.000 đồng.

Qua xác minh được biết, chiếc xe có biển số 59U1-589.28 là xe do bà Trương Thị H1 đứng tên chủ sở hữu. Qua ghi lời khai, bà H1 cho biết bị mất trộm vào ngày 21/11/2017 tại trước địa chỉ số 132 Tô Hiến Thành, Phường B8, Quận C6. Bà H1 có trình báo tại Công an Phường 15, Quận 10.

Tại bản Kết luận giám định số 911/KLGD-X (Đ 3) ngày 08/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: xe gắn máy biển số 59U1-589.28 có số khung, số máy nguyên thủy, không thay đổi (BL 843).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá 12.318.333 đồng (BL 893-897).

Tại bản kết luận giám định số 631/KLGD-TT ngày 12/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: giấy đăng ký xe mang tên Trương Thị H1 là giấy thật (BL 869, 771).

➤ Vụ thứ 5:

Khoảng 17 giờ 00 ngày 21/11/2017, đối tượng tên T6 (không rõ lai lịch) đem chiếc xe Vision biển số 61D1-725.75 và giấy phép đăng ký xe mang tên Phạm Thị H2 vừa trộm cắp được đến số A4 đường NNN bán cho H với giá 15.000.000 đồng. Ngày 28/11/2017, H đưa chiếc xe này cùng với giấy đăng ký xe cho N.Đ.T4 đem đến tiệm cầm đồ LG cầm lấy số tiền 17.000.000 đồng và T4 ký, ghi họ tên N.Đ.T4, H cho T4 500.000 đồng.

Qua xác minh được biết, chiếc xe có biển số 61D1-725.75 là xe Vision do bà Phạm Thị H2 đứng tên chủ sở hữu. Qua ghi lời khai, bà H2 cho biết bị mất trộm vào ngày 27/11/2017 tại trước quán cà phê Thúy Diễm, đường CT, tổ E6, khu phố TP, phường B22, thị xã C16, tỉnh Bình Dương. Bà H2 có trình báo tại Công an phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá 24.858.333 đồng (BL 893-897).

Tại bản Kết luận giám định số 1207/KLGD-TT ngày 27/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: giấy đăng ký xe mang tên Phạm Thị H2 là giấy thật (BL 866-868).

➤ Vụ thứ 6:

Khoảng 08 giờ 30 phút 28/11/2017, đối tượng tên Long (không rõ lai lịch) đem chiếc xe Airblade biển số 59V2-523.15 và giấy phép đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L4 vừa trộm cắp được đến số A4 đường NNN bán cho H với giá 20.000.000 đồng. Ngày 28/11/2017, H đưa chiếc xe này cùng với giấy đăng ký xe cho N.Đ.T4 đem đến tiệm cầm đồ LG cầm lấy số tiền 22.000.000 đồng và T4 ký, ghi họ tên N.Đ.T4, H cho T4 300.000 đồng.

Qua xác minh được biết, chiếc xe có biển số 59V2-523.15 là xe Airblade do bà Nguyễn Thị L4 đứng tên chủ sở hữu. Bà L4 cho biết mình đứng tên giùm cho em ruột là Nguyễn Công Q. Ông Q xác nhận như bà L4 khai, chiếc xe trên do Quốc sử dụng và bị mất trộm vào ngày 04/10/2017 tại trước địa chỉ số A33 đường NTL, Phường B17, quận C13. Ông Q có trình báo tại Công an Phường 12, quận Bình Thạnh.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá 29.703.333 đồng (BL 893-897).

Tại bản Kết luận giám định số 631/KLGD-TT ngày 12/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L4 là giấy thật (BL 869).

➤ Vụ thứ 7:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 30/11/2017, bạn của đối tượng LK (không rõ lai lịch) đem chiếc xe Wave biển số 75X1-3784 và giấy phép đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Thu H3 vừa trộm cắp được đến số A4 đường NNN bán cho H với giá 6.000.000 đồng. Ngày 01/12/2017, H đưa chiếc xe này cùng với giấy đăng ký xe cho D đem đến tiệm cầm đồ TP cầm lấy số tiền 17.000.000 đồng và D ký, ghi họ tên Nguyễn Vũ Phi D, H cho Dững 500.000 đồng.

Qua xác minh được biết, chiếc xe có biển số 75X1-3784 là xe Wave do bà Nguyễn Thị Thu H3 đứng tên chủ sở hữu. Qua ghi lời khai, bà H3 cho biết mình

bị mất trộm vào ngày 29/11/2017 tại số nhà A34 đường PA, phường B10, Quận C1. Bà H3 có trình báo tại Công an phường Hiệp Tân, quận Tân Phú.

Tại bản Kết luận giám định số 912/KLGD-X (Đ 3) ngày 08/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: xe gắn máy biển số 75X1-3784 có số khung, số máy nguyên thủy, không thay đổi (BL 846).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá 10.386.667 đồng (BL 893-897).

Tại bản Kết luận giám định số 1207/KLGD-TT ngày 27/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Thu H3 là giấy thật (BL 866-868).

➤ Vụ thứ 8:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 05/12/2017, đối tượng tên L4 (không rõ lai lịch) đem chiếc xe Nouvo biển số 59V2-259.37 và giấy phép đăng ký xe mang tên T.T.T.H6 vừa trộm cắp được đến số A4 đường NNN bán cho H với giá 10.000.000 đồng. Cùng ngày, H đưa chiếc xe này cùng với giấy đăng ký xe cho N.Đ.T4 đem đến tiệm cầm đồ TP cầm lấy số tiền 13.000.000 đồng và T4 ký, ghi họ tên N.Đ.T4, H cho T4 300.000 đồng.

Qua xác minh được biết, chiếc xe có biển số 59V2-259.37 là xe Nouvo do bà T.T.T.H6 đứng tên chủ sở hữu. Bà H6 cho biết có đứng tên giùm xe trên cho con ruột là ông Võ Thái Hoàng H4. Ông H4 cho biết có nhờ bà H6 đứng tên giùm, ông bị mất trộm vào ngày 05/12/2017 tại địa chỉ số A15 đường LK, phường B11, quận C4. Ông H4 có trình báo tại Công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân.

Tại bản Kết luận giám định số 922/KLGD-X (Đ 3) ngày 08/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: xe gắn máy biển số 59V2 – 259.37 có số khung, số máy nguyên thủy, không thay đổi (BL 842).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá 19.000.000 đồng (BL 893-897).

Tại bản Kết luận giám định số 631/KLGD-TT ngày 12/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: giấy đăng ký xe mang tên T.T.T.H6 là giấy thật (BL 869).

➤ Vụ thứ 9:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/12/2017, đối tượng tên Quẩy nhóc (không rõ lai lịch) đem chiếc xe Sirius biển số 71C2 – 463.73 trộm cắp được đến số A4 đường NNN bán cho bị cáo H với giá 8.500.000 đồng. Sau đó, H đưa chiếc xe

này cho Dũng rửa xe, tháo biển số 71C2–463.73 và gắn biển số 59N2–717.72 vào. H thuê D.A.H8 thay ổ khóa với giá 150.000 đồng. Khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, H đưa chiếc xe này cho H.V.L3 đem về bán cho đối tượng tên Q2 (không rõ lai lịch) ở Long An với giá 9.500.000 đồng, H cho D 500.000 đồng. Khi Lợi điều khiển xe đến trước Công ty VH thuộc Quốc lộ E7, phường B16, Quận C12 thì bị kiểm tra thu giữ.

Qua xác minh được biết, chiếc xe có biển số 71C2 – 463.73 là xe Sirius do ông Nguyễn Thành L1 đứng tên chủ sở hữu. Qua ghi lời khai, ông L1 cho biết bị mất trộm vào ngày 08/12/2017 tại địa chỉ số A35 đường ML, phường B18, quận C4; ông có trình báo tại Công an phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân.

Đối với biển số xe 59N2–717.72, qua xác minh là của xe Wave, do ông B.V.T3 đứng tên sở hữu.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá 13.300.000 đồng (BL 893-897).

➤ Vụ thứ 10:

Khoảng 08 giờ 00 ngày 14/12/2017, đối tượng tên H9 (không rõ lai lịch) đem chiếc xe Wave biển số 84K2–2310 trộm cắp được đến số A4 đường NNN bán cho H với giá 4.500.000 đồng. Sau đó, H đưa chiếc xe này cho D rửa xe, thay biển số 53R4–9678 vào. H thuê D.A.H8 thay ổ khóa với giá 150.000 đồng. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, H bán lại chiếc xe tên cho N.V.K với giá 5.000.000 đồng, H cho D 500.000 đồng. Khi Khởi điều khiển xe đến xã B30, huyện C11 thì bị kiểm tra thu giữ.

Qua xác minh được biết, chiếc xe Wave trên có biển số là 84K2–2310 do ông T.C1 là cha của bà Thạch Thị Cẩm T1 đứng tên giúp cho bà T1. Qua ghi lời khai, bà T1 cho biết chiếc xe bị mất trộm vào ngày 13/12/2017 tại địa chỉ số A18 đường TXS, phường B10, Quận C8. Bà T1 có trình báo mất trộm tại Công an phường Tân Thuận Tây, Quận 7.

Đối với biển số 53R4–9678, qua xác minh là xe hiệu Wakeup, do ông H.M.T7 đứng tên chủ sở hữu (BL 577). Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 20/7/2018, Công an phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú xác nhận tại địa chỉ nêu tại BL 577 không có ai tên H.M.T7 (BL 578).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá 9.816.667 đồng (BL 893-897).

➤ Vụ thứ 11:

Khoảng tháng 11/2017 (không nhớ ngày) Nguyễn Văn Vũ H mua chiếc xe nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Taurus, biển số: 61D1–028.75 của đối tượng không rõ lai lịch đưa cho Nguyễn Vũ Phi D rửa cho mới rồi thay biển số 76H1–122.33

vào và cất giấu tại số A4 đường NNN thì bị kiểm tra thu giữ, H cho Dũng 500.000 đồng.

Qua xác minh được biết, chiếc xe có biển số ban đầu là 61D1-028.75 do bà Lê Ngọc L2 đứng tên chủ sở hữu. Qua ghi lời khai, bà L2 cho biết: khoảng tháng 5/2017, bà L2 đưa chiếc xe trên cho bạn là T.N.D1 (không rõ lai lịch) đem sửa xe giúp thì bị lấy đi luôn. Sau đó, bà L2 có trình báo tại Công an thị xã Dĩ An. Qua xác minh, Công an thị xã Dĩ An cho biết không có tiếp nhận xử lý đơn trình báo của bà Lê Ngọc L2 (BL 578, 581-582).

Đối với biển số 76H1-122.33: qua xác minh là xe Sirius do T.Q1 đứng tên chủ sở hữu. Ông Q1 cho biết xe bị mất trộm vào ngày 21/11/2017 tại trước số A35 đường E7, phường B19, Quận C4, ông không trình báo mất trộm.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 5018/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc xe trên trị giá là 10.006.667 đồng (BL 893-897).

Tại bản Cáo trạng số 520/CT-VKS-P2 ngày 29/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bị cáo Trần Văn T về “Tội Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Bị cáo Nguyễn Văn Vũ H về “Tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Nguyễn Vũ Phi D về “Tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã ghi nhận.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo: Trần Văn T: từ 03 đến 04 năm tù; Nguyễn Văn Vũ H: từ 04 đến 05 năm tù; Nguyễn Vũ Phi D: từ 02 đến 03 năm tù. Ngoài ra, Kiểm sát viên cũng đề nghị giải quyết phần trách nhiệm dân sự và xử lý phần tang vật theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ Phi D thống nhất tội danh và điều khoản mà Cáo trạng truy tố. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội; vai trò thứ yếu của bị cáo trong vụ án; quan hệ giữa bị cáo và bị cáo H là anh em ruột cùng nhiều tình tiết giảm nhẹ (bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã chủ động động viên gia đình nộp tiền khắc phục một phần hậu quả; phạm tội lần đầu; là lao động chính trong gia đình và có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn...) để cho bị cáo hưởng mức án khoan hồng cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Người bào chữa cho bị cáo cũng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Riêng đối với Bản án số 143/HSST ngày 25/11/1997, Cơ quan điều tra đã tiến hành Trích lục bản án, tuy nhiên, tại Biên bản xác minh ngày 07/8/2018 (BL 305), Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành rà soát hồ sơ lưu trữ từ năm 1997 đến hết năm 1998, Tòa án Quận 11 không thụ lý vụ án hình sự sơ thẩm nào đối với bị cáo Nguyễn Văn Vũ H. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở ghi nhận vào phần đầu bản án.

Tương tự, Cơ quan điều tra cũng tiến hành sao y, trích lục Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn Vũ H, công an phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: Quyết định đối với Nguyễn Văn Vũ H từ năm 1997 trở về trước không được lưu trữ tại công an phường. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở ghi nhận vào phần đầu bản án.

[2] Quá trình điều tra vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội, biên bản khám xét, vật chứng thu được, bản kết luận giám định, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản nhận dạng... Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nội dung vụ án đúng như bản Cáo trạng truy tố:

Bị cáo Trần Văn T đã cùng các đối tượng khác (T5, T.C2 chưa rõ lai lịch) có hành vi lén lút đột nhập vào nhà trọ tại địa chỉ số A21 đường VVK, Phường B12, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh chiếm đoạt 04 chiếc xe gắn máy và 01 chiếc xe máy điện nên phạm “Tội Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo Nguyễn Văn Vũ H tuy không hứa hẹn trước nhưng đã nhiều lần mua xe gắn máy các loại của các đối tượng trộm cắp tài sản mà có để bán lại hoặc đi cầm cố hưởng lợi. Sau khi mua xe của các đối tượng trộm cắp, bị cáo Nguyễn Văn Vũ H đã giao cho em ruột là bị cáo Nguyễn Vũ Phi D rửa xe, thay biển số mang đi cầm cố hoặc gửi ở nhiều địa điểm khác nhau để chờ tiêu thụ; mỗi lần rửa xe, thay biển số, đi cầm hoặc mang xe đi gửi bị cáo H cho bị cáo D 500.000

đồng/chiếc. Bị cáo D biết rõ những chiếc xe trên là tài sản do người khác trộm cắp mà có, có vai trò giúp sức cho bị cáo H khi thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Vũ H và Nguyễn Vũ Phi D đã cấu thành “Tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Văn Vũ H và Nguyễn Vũ Phi D thực hiện hành vi phạm tội trong khoảng thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017 (thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật). Căn cứ nguyên tắc có lợi cho bị cáo, bản Cáo trạng số 520/CTr-VKS-P2 ngày 29/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Vũ H về “Tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Nguyễn Vũ Phi D về cùng tội danh nhưng theo Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử căn cứ vào tinh thần của Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an (ghi nhận các yếu tố (theo thứ tự) để so sánh: “loại hình phạt nặng hơn so với loại hình phạt nặng nhất được quy định trong điều luật tương ứng”, “mức hình phạt tối đa của khung hình phạt nặng nhất được quy định trong điều luật”, “mức tối thiểu của khung hình phạt nhẹ nhất được quy định trong điều luật”, “hình phạt bổ sung”.... , từ đó, có cơ sở xác định điều luật nào quy định một hình phạt nhẹ hơn để áp dụng đối với người phạm tội như nội dung thể hiện tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội) và Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (hiệu lực của Bộ luật về thời gian) để xác định quy định pháp luật áp dụng đối với các bị cáo trong vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm hại đến trật tự an toàn xã hội.

Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định:

Tổng tài sản mà bị cáo Trần Văn T cùng các đối tượng chưa rõ lai lịch đã chiếm đoạt là 70.000.000 đồng, đây là tình tiết định khung quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo Nguyễn Văn Vũ H đã mua tổng cộng 22 chiếc xe gắn máy các loại, trong đó có 12 chiếc xe gắn máy xác định là xe do trộm cắp mà có. Bị cáo H hưởng lợi từ việc bán hoặc cầm cố 12 chiếc xe này với số tiền 18.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản của 12 chiếc xe là 203.286.666 đồng, thuộc trường hợp “tài sản, vật phạm pháp có giá trị rất lớn” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo Nguyễn Vũ Phi D đã giúp bị cáo H rửa xe, thay biển số, mang đi cầm và đi gửi 07 vụ, hưởng lợi số tiền 3.500.000 đồng, tổng giá trị 07 chiếc xe là 102.903.334 đồng, thuộc trường hợp “tài sản, vật phạm pháp có giá trị lớn” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhằm đảm bảo mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bên cạnh đó, bị cáo Nguyễn Văn Vũ H còn có 03 tiền án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; bị cáo H và bị cáo D phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo H) và điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo D) để cân nhắc khi lượng hình.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn và chủ động nộp 5.000.000 đồng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phần dân sự (BL 389, 1169, 358) nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T, H) và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo D) để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[3] Ông Phan Nhật M, bà Trần Thị Duy H5, bà L.T.M.P1 có yêu cầu bị cáo Trần Văn T bồi thường đối với tài sản bị mất trộm. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông M, bà H5 có căn cứ nên xem xét. Căn cứ vào bản Kết luận định giá tài sản, Hội đồng xét xử buộc bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 25.000.000 đồng cho bà Trần Thị Duy H5, bồi thường số tiền 5.000.000 đồng cho ông Phan Nhật M. Riêng yêu cầu của bà P1, do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5 không tiến hành định giá được, đối tượng tên T5 không rõ lai lịch, chiếc xe đạp điện chưa tìm được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của bà P1.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn Vũ H khai nhận số tiền thu lợi bất chính là 18.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Vũ Phi D khai nhận số tiền thu lợi bất chính là 3.500.000 đồng, Hội đồng xét xử còn buộc các bị cáo H, D nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: bị cáo Nguyễn Văn Vũ H nộp lại số tiền 18.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Vũ Phi D nộp lại số tiền 3.500.000 đồng.

T[□]i phíp t[□]a, b[□] cg Tr[□]n V[□]n T khai nh[□]n thu l[□]i b[□]t chsnh s[□] ti[□]n 9.100.000 đồng. Tuy nhiên, do bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường cho những bị hại nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính;

[4] Đối với những người liên quan cùng các tài liệu, tài sản bị thu giữ:

■ Đối với bà N.T.B.N2: bà N2 là bạn gái của bị cáo Trần Văn T, đã giới thiệu bà L.C.N1 môi giới để bị cáo bán chiếc xe Vision biển số 59H1-357.64 trộm cắp được cho bị cáo H với giá 9.000.000 đồng. Bị cáo T có lúc khai bà N2 không biết tài sản trên do bị cáo trộm cắp mà có, có lúc khai bà N2 biết việc này. Hiện bà N2 không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa ghi lời khai làm rõ (Biên bản xác minh ngày 21/12/2017 tại Công an Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – BL 223A). Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm và xử lý sau.

■ Đối với bà L.C.N1 (em của bà N2): bà N2 đã giới thiệu bà N1 môi giới cho bị cáo T bán chiếc xe do trộm cắp được mà có cho bị cáo H với giá 9.000.000 đồng như đã nêu, bị cáo T cho bà N1 400.000 đồng. Bị cáo T khai bà N1 không biết tài sản trên do trộm cắp mà có, bà N1 cũng khai phù hợp với nội dung này. Do đó, không có cơ sở xử lý đối với bà N1.

■ Đối với đối tượng tên T.C2 và T5 (chưa rõ lai lịch): 02 đối tượng đã cùng Trần Văn T thực hiện hành vi trộm cắp 04 xe chiếc xe gắn máy và 01 chiếc xe đạp điện vào ngày 17/12/2017 tại địa chỉ số A21 đường VVK, Phường B12, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch của 02 đối tượng trên nên Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm, khi nào tìm được sẽ xử lý sau.

■ Đối với ông N.Đ.T4: ông T4 07 lần giúp bị cáo H mang xe mua của các đối tượng trộm cắp mà có đi cầm tại các tiệm cầm đồ và được cho 300.000 – 500.000 đồng/ chiếc. Tuy nhiên, bị cáo H khai không nói cho ông T4 biết xe trên là tài sản do trộm cắp mà có, hiện ông T4 không có mặt tại địa phương (BL 761-762, 763, 764, 765) nên không thể ghi lời khai, Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm (Công văn số 5679/CV-PC02 (Đ 8) ngày 25/10/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh – BL 766), khi nào tìm được sẽ xử lý sau.

■ Đối với ông H.H.H7 (chủ tiệm cầm đồ LG), ông H.S.P (chủ tiệm cầm đồ TP), ông H.K.T8 (nhân viên tiệm cầm đồ TP) và ông V.H.C (chủ tiệm cầm đồ TC): quá trình điều tra, các ông nêu trên khai không biết những chiếc xe gắn máy do bị cáo D và ông T4 mang đến cầm là tài sản do người khác phạm tội mà có (BL 781, 784, 813, 879), đồng thời các xe gắn máy trên khi đi cầm đều có giấy tờ hợp lệ và được giám định là thật. Do vậy, chưa đủ cơ sở để xử lý đối với ông H7, P, T8, C về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tại Cơ quan điều tra, ông H.S.P và ông V.H.C tự nguyện giao nộp xe và các Hợp đồng cầm đồ, không có yêu cầu gì (BL 799, 829).

Tại Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông H7 có yêu cầu được bồi hoàn lại số tiền mà N.Đ.T4 và bị cáo H đã cầm cố các xe là 60.000.000 đồng, hồ sơ vụ án thể hiện có các Hợp đồng cầm đồ mang tên N.Đ.T4 với tiệm cầm đồ LG, hiện Cơ quan điều tra hiện đang truy tìm ông T4 (BL 766), Hội đồng xét xử nhận thấy đây là giao dịch dân sự giữa ông H7 và ông N.Đ.T4, nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

Đối với các tài liệu như Hợp đồng cầm đồ và thế chấp tài sản giữa Phạm Thị H2 và tiệm cầm đồ LG (BL 807), giữa N.Đ.T4 và tiệm cầm đồ LG (BL 808, 809, 811, 812); Hợp đồng cầm đồ N.Đ.T4 và tiệm cầm đồ TP (BL 771, 772, 773), giữa bị cáo D và tiệm cầm đồ TP (BL 775, 777, 778, 779, 780); Hợp đồng cầm đồ giữa Nguyễn Vũ Phi D và tiệm cầm đồ TC (BL 828): đây là chứng cứ lưu tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xử lý. Đối với mối quan hệ cầm cố tài sản ghi nhận tại các tài liệu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ dân sự phát sinh giữa các bên, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, những tranh chấp phát sinh từ các mối quan hệ trên các bên giải quyết bằng pháp luật dân sự khi có yêu cầu.

- Đối với bà VTR (mẹ của các bị cáo H và D): trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ tại nhà bà 02 chiếc xe gắn máy biển số 51S4-9009 và biển số 51H3-5507 chưa xác định được có phải do tài sản bị mất trộm hay không. Bà Riễn khai không biết 02 chiếc xe này bị cáo H mua của ai và mua ở đâu. Do đó, không có cơ sở xử lý bà Riễn.

- Đối với ông H.V.L3: ông L3 khai ngày 09/12/2017 được 01 người đàn ông Campuchia (không rõ lai lịch) lên Thành phố Hồ Chí Minh nhận xe gắn máy chạy về Long An giao lại và được trả thù lao 300.000 đồng. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, ông L3 đứng trước nhà số A37 đường TH, quận C1 thì có 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) giao xe biển số 59N2-717.72 cho ông và ông điều khiển chạy về Long An thì bị kiểm tra thu giữ. Ông L3 không biết xe do trộm cắp mà có (BL 555). Do vậy, không đủ cơ sở xử lý hình sự đối với ông. Bên cạnh đó, đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của ông L3 (BL 554), Hội đồng xét xử xét thấy không liên quan vụ án nên giao trả điện thoại lại cho ông.

- Đối với ông N.V.K: ông K khai ngày 14/12/2017, ông K mua chiếc xe Wave biển số 53R4-9678 (biển số ban đầu: 84K2-2310) với giá 5.000.000 đồng. Kết quả xác minh chiếc xe này do phạm tội mà có. Tuy nhiên, ông K khai khi mua xe ông không biết rõ nguồn gốc chiếc xe trên và bị cáo H cũng không nói cho ông K biết chiếc xe này có nguồn gốc từ đâu (BL 571-572), do vậy không có cơ sở xử lý hình sự đối với ông.

Tại phiên tòa, ông K xác định không có yêu cầu gì đối với vụ án, không yêu cầu được trả lại số tiền 5.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với ông N.Q.T9: ông T9 có hành vi mua chiếc xe Wave biển số 50L1-822.75 của 01 thanh niên không rõ lai lịch với giá 8.500.000 đồng. Kết quả xác minh xe bị mất trộm tại Quận C5 nhưng ông T9 khai xe mua trên mạng Internet, ông không biết xe do trộm cắp mà có, thấy xe có giấy tờ hợp lệ nên mua (BL 653-654) nên không có cơ sở xử lý ông. Qua xác minh chiếc xe trên là xe của ông N.V.T10. Ông T10 cho biết ngày 02/12/2017, ông T10 để xe trước địa chỉ số A37 đường số 10, Phường B13, Quận C5 thì bị mất trộm, ông có trình báo Công an Phường 5, Quận C5. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 5678/CV-PC02 (Đ 8) ngày 23/10/2018 để thực

hiện việc chuyển chiếc xe nêu trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để xử lý theo thẩm quyền (BL 692).

■ Đối với ông N.T.D2: thông qua trang mua bán “Chợ tốt”, ông D2 đã mua chiếc xe Sirius biển số 83C1-174.72 của 01 thanh niên không rõ lai lịch với giá 4.000.000 đồng, xe này xác định bị mất trộm vào ngày 04/12/2017. Tuy nhiên, ông D2 không biết nguồn gốc xe do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý (BL 714-715).

■ Đối với ông N.Q.C3 và ông H.X.D3:

Ngày 17/12/2017, ông C3 mua chiếc xe gắn máy Exciter biển số 59M1-278.32 của bị cáo H với giá 13.000.000 đồng, sau đó bán lại cho ông H.X.D3, trong lúc giao nhận xe thì bị kiểm tra thu giữ. Ông C3 khai khi mua chiếc xe này ông C3 nghe bị cáo H nói xe do người khác cầm, không có khả năng chuộc lại, thấy xe có giấy tờ đầy đủ, phù hợp số khung, số máy nên ông C3 đồng ý mua. Trước khi bán xe cho ông X.D3, ông C3 đã lấy biển số xe 59S1-239.35 thay cho biển số 59M1-278.32, ông C3 khai do bị cáo H nói phải thay biển số xe khác tránh người cầm cố phát hiện (BL 593-594, 604). Bên cạnh đó, qua xác minh chưa xác định được chiếc xe này có phải bị mất trộm hay không. Do đó, không có cơ sở xử lý đối với ông C3 trong vụ án này.

Qua làm việc, ông X.D3 khai có nhu cầu mua xe để đi nên có lên Facebook tìm kiếm và trao đổi mua xe với ông C3, ông X.D3 không biết rõ nguồn gốc xe trên từ đâu mà có nên không có cơ sở xử lý đối với ông.

Đối với xe, giấy đăng ký xe, biển số xe và điện thoại di động thu giữ từ ông N.Q.C3, Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

■ Đối với 01 chiếc xe hai bánh gắn máy màu đỏ; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Vision; BS: 50N1-253.84 (thu giữ tại tiệm cầm đồ TP): qua xác minh, chiếc xe này do bị cáo Nguyễn Vũ Phi D đứng tên chủ sở hữu. Do cần tiền nên bị cáo D mang chiếc xe trên đi cầm với giá 23.000.000 đồng (BL 774), bị cáo có yêu cầu được nhận lại chiếc xe, ông H.S.P khi giao nộp xe và các Hợp đồng cầm đồ không có yêu cầu gì (BL 799), Hội đồng xét xử xét thấy chiếc xe không liên quan vụ án nên giao trả cho bị cáo D nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Vũ Phi D: Đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo D nên Hội đồng xét xử giao trả cho bị cáo D.

■ Đối với 01 cái biển số 83C1-174.72: Biển số này được gắn cho xe biển số ban đầu là 85C1-091.48, tại Biên bản xác minh ngày 07/8/2018, công an phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận đã chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 12 thụ lý vụ án (BL 722, 732-734). Qua xác minh, biển số xe trên được cấp cho bà Cao Thị Thúy Hằng (BL 735), bà cho biết chiếc xe có biển số trên bà bị mất trộm vào ngày 12/12/2017 (BL 738, 736-737), Hội đồng xét xử chuyển giao biển số trên cho Công an Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo thẩm quyền.

■ Đối với 01 giấy đăng ký xe có biển số 70B1-199.45 (mang tên T.S.V thu giữ tại tiệm cầm đồ TP): bị cáo H khai giấy đăng ký xe trên là của chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius có biển số 70B1-199.45 và bị cáo mua của 01 đối tượng không rõ lai lịch vào tháng 12/2017 với giá 7.000.000 đồng. Sau đó bị cáo H đưa giấy tờ xe và xe cho bị cáo D đi cầm ở tiệm cầm đồ TP vào ngày 03/12/2017 với giá 8.000.000 đồng. Ngày 18/12/2017, xe bị mất trộm khi đang để trong tiệm cầm đồ nhưng ông H.S.P không có trình báo công an, hiện vật chứng không thu giữ được. Ông T.S.V khai chiếc xe và giấy tờ trên bị mất trộm vào tháng 6/2017 tại đường LLQ, quận C26 nhưng không nhớ đã trình báo ở phường nào của quận C26. Do vậy, chưa có cơ sở xử lý hình sự đối với các bị cáo H, Dũng về hành vi này; Hội đồng xét xử chuyển giao giấy đăng ký xe trên cho Công an Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

■ Đối với ông H.H.T10: ông T10 là chủ tiệm sửa xe “NT10” chuyên làm nghề sơn xe gắn máy tại địa chỉ số A5 đường NNN, phường B2, quận C1. Tháng 5/2017 đến tháng 12/2017, bị cáo H thường mang các xe máy đến tiệm nhờ ông T10 sơn mới lại. Ông T10 không biết rõ các xe trên là do bị cáo mua từ các đối tượng trộm cắp mà có nên chưa đủ cơ sở xử lý đối với ông. Riêng 01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Wave; biển số: 51S7-8599, Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

■ Đối với ông D.A.H8: ông A.H8 đã 05 lần giúp bị cáo H thay ổ khóa các xe gắn máy, các ổ khóa này đều có dấu hiệu bị cạy phá Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra ông A.H8 khai do hành nghề sửa khóa xe nên khi khách mang xe đến yêu cầu sửa thì ông nhận làm và không biết nguồn gốc xe như thế nào. Bị cáo H khai không nói cho ông A.H8 biết những xe trên là do mua của những đối tượng phạm tội mà có. Do vậy, không đủ cơ sở xử lý hình sự đối với ông. Riêng 01 xe hai bánh gắn máy màu trắng xanh đen; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Exciter; biển số: 59B1-070.42, Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

■ Đối với ông Đ.V.T11: ông T11 là chủ tiệm sửa khóa “T11” tại địa chỉ số A38 đường VL, phường B1, quận C1. Ngày 07/12/2017, 12/12/2017, ông A.H8 (cùng làm nghề sửa khóa với ông T11) gọi ông đến nhà số A4 đường NNN (nhà của bị cáo H) để thay 02 ổ khóa của xe Dream và xe Wave với giá 200.000 đồng. Trong đó xe Wave xác định là xe mất trộm vào ngày 07/12/2017. Tuy nhiên ông T11 khai không biết xe trên có nguồn gốc từ đâu và không biết bị cáo H mua của ai nên chưa đủ cơ sở xử lý đối với ông. Riêng 01 xe hai bánh gắn máy màu xanh đen; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Airblade; biển số: 54V4-4185, Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

■ Từ nội dung ghi nhận ở trang 3, trang 9 bản Cáo trạng (về các chiếc xe gắn máy đã xác minh được chủ sở hữu nhưng chưa ghi được lời khai nên chưa xác định được có phải là xe mất trộm hay không), ngày 10/01/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 2/2019/HSST - QĐ đề nghị được chuyển các vật chứng (không thuộc phạm vi giải quyết của hồ sơ vụ án) đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định

pháp luật. Ngày 14/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 13-03/VKS-P2 ghi nhận các xe gắn máy, biển số xe, giấy đăng ký xe nêu trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định khi vụ án được đưa ra xét xử.

Như vậy, căn cứ các quy định về việc ra bản án, thẩm quyền của Hội đồng xét xử (Điều 260, Điều 299, Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015), Hội đồng xét xử chuyển giao các tài sản, tài liệu bị thu giữ không phải là tang vật của vụ án, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án đến Công an Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền, cụ thể:

- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Exciter; biển số: 59S1-239.35;
- + 01 cái giấy đăng ký xe biển số 59M1-278.32;
- + 01 cái biển số xe 59M1-278.32;
- + 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO A39;
- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy màu xanh trắng; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Luvias; biển số: 59L2-016.60;
- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: không xác định; biển số: 59L2-548.71;
- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Dream; biển số: 52S4-0271;
- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy màu trắng bạc; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Luvias; biển số: 63B8-110.44;
- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Dream; biển số: 51S4-9009;
- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Wave; biển số: 51H3-5507;
- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy màu đỏ đen; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Sirius; biển số: 64G1-040.72;
- 01 cái giấy đăng ký xe mang tên H.P.V1;
- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy màu đen bạc; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Sirius; biển số: 92H4-0736;
- 01 cái giấy đăng ký xe mang tên P.T.T12;
- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Taurus; biển số: 67K1-067.09;
- 01 cái giấy đăng ký xe mang tên P.V.K1;
- 01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Wave; biển số: 51S7-8599;

- 01 xe hai bánh gắn máy màu xanh đen; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Airblade; biển số: 54V4-4185;

- 01 xe hai bánh gắn máy màu trắng xanh đen; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Exciter; biển số: 59B1-070.42;

■ Đối với các xe gắn máy cùng giấy tờ xe còn lại, hiện các bị hại có yêu cầu được nhận lại xe nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao trả cho các bị hại, cụ thể:

1. Bà Quách Phương N: 01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Vision; SK: RLHJF5800EY094958; SM: JE58E0095098;

2. Bà Ngô Thị Thúy L:

- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy màu vàng bạc đen; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Vision; biển số: 59D1-328.22;

- 01 giấy đăng ký xe mang tên Ngô Thị Thúy L;

3. Bà Nguyễn Thị Kiều D1:

- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy màu đỏ; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Vision; biển số: 50N1-083.94;

- 01 giấy đăng ký xe mang tên P.T.T2.

4. Ông Phan Tấn Đ:

01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Sirius; biển số: 65D1-282.93;

01 giấy đăng ký xe mang tên Phan Tấn Đ;

5. Bà Trương Thị H1: 01 giấy đăng ký xe mang tên Trương Thị H1

Riêng đối với chiếc xe Wave biển số 59U1-589.28, ngày 02/5/2018, Cơ quan điều tra đã giao trả lại chiếc xe trên cho bà Trương Thị H1 (BL 452).

6. Bà Phạm Thị H2: 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Thị H2.

Riêng đối với chiếc xe Vision biển số 61D1-725.75, ngày 02/5/2018, Cơ quan điều tra đã giao trả lại chiếc xe trên cho bà Phạm Thị H2 (BL 481).

7. Ông Nguyễn Công Q: 01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Airblade; biển số: 59V2-523.15;

01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L4

8. Bà Nguyễn Thị Thu H3:

- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy màu đen xám; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Wave; biển số: 75X1-3784;

- 01 giấy đăng ký xe tên Nguyễn Thị Thu H3;

9. Ông Võ Thái Hoàng H4:

- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy màu trắng đỏ; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Nouvo; biển số: 59V2-259.37;

- 01 giấy đăng ký xe mang tên T.T.T.H6;

10. Ông Nguyễn Thành L1: 01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Sirius; SK: RLCUE3210HY104258; SM: E3X9E254707.

Riêng đối với ông B.V.T3, tại phiên tòa, ông không có ý kiến gì đối với việc xử lý biển số 59N2-717.72 nên Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Công văn số 13-03/VKS-P2 ngày 14/02/2019 (BL 1213), Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận ông Nguyễn Thành L1 mua trả góp chiếc gắn máy nêu trên với ngân hàng, giấy tờ xe do ông L1 đứng tên sở hữu và hiện ông vẫn thực hiện việc trả góp chiếc xe này, do đó yêu cầu nhận lại xe của ông L1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giao trả chiếc xe cho ông L1 như đã nêu.

11. Bà Thạch Thị Cẩm T1 01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Wave; SK: RLHHC12168Y016562; SM: HC12E-1016563;

12. Bà Lê Ngọc L2 01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Taurus; SK: RLCS16S20BY157930; SM: 16S2157934;

■ Đối với các xe gắn máy bị thay biển số ban đầu (xe giao trả cho bà Lê Ngọc L2, bà Quách Phương N, ông Nguyễn Thành L1, bà Thạch Thị Cẩm T1): sau khi thực hiện việc giao trả cho bị hại, theo quy định tại Điều 15 và Điều 3 của Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2017/TT-BCA ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an), chủ sở hữu xe liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp lại biển số xe bị mất.

■ Đối với các biển số xe được thay vào biển số xe ban đầu (biển số 76H1-122.33, trước đây được lắp vào 01 chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: 02 bánh, số loại: Taurus; SK: RLCS16S20BY157930, SM: 16S2157934; biển số 83P2-090.95, trước đây được lắp vào 01 chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, loại xe: 02 bánh, số loại: Vision, SK: RLHJF5800EY094958, SM: JE58E0095098; biển số: 59N2-717.72, trước đây được lắp vào 01 chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: 02 bánh, số loại: Sirius, SK: RLCUE3210HY104258, SM: E3X9E254707; biển số: 53R4-9678, trước đây được lắp vào 01 chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, loại xe: 02 bánh, số loại: Wave, SK: RLHHC12168Y016562, SM: HC12E-1016563; biển số 65S1-5591, trước đây được lắp vào xe Exciter – xe đã được giao trả cho ông Nguyễn Quang V; biển số 83C1-174.72, trước đây được lắp vào xe có biển số ban đầu là 85C1-091.48 – xe và hồ sơ vụ án đã được chuyển giao cho Cơ quan điều tra Công an Quận 12): theo quy định tại khoản 6 Điều 19 của Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ

Công an quy định về đăng ký xe (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2017/TT-BCA ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an), các chiếc xe gắn máy mang các biển số trên hiện không tìm được, thuộc trường hợp phải thu hồi biển số xe.

Đối với biển số 65S1-5591 (thu giữ từ Trần Văn T):

Qua xác minh tại phường B15, quận C1 được biết ngày 18/12/2017, công an quận Tân Phú tuần tra kiểm tra hành chính thu giữ của bị cáo T 01 chiếc xe Exciter biển số 65S1-5591 (BL 132E), theo đó xe có biển số ban đầu là 93G1-056.65 do ông Nguyễn Quang V đứng tên chủ sở hữu và bị mất trộm ngày 17/12/2017 tại số 1326 Võ Văn Kiệt, Phường B12, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 22/6/2018, công an quận Tân Phú đã trả lại chiếc xe trên cho ông V (BL 153C).

Biển số 65S1-5591 qua xác minh được cấp cho xe của ông N.V.H5. Do tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh chỉ thể hiện ông H5 có “địa chỉ: Vĩnh Thành, Vĩnh Trinh, VT” (BL 131C) nên không thể thực hiện việc triệu tập và ghi lời khai của ông về biển số xe này.

Hội đồng xét xử chuyển giao các biển số xe trên cho Công an Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc thu hồi biển số theo thẩm quyền.

■ Đối với 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu nâu; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Dream; BS: 83D2-137.28; số khung và số máy bị mài đục, không xác định; không gương, chân chống ngang, cục đèn, bàn thờ, bửng, đồng hồ, nắp lọc, bao sên, xe cũ rỉ sét (BL 838):

Qua xác minh, chiếc xe này không có dữ liệu tại Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, không giám định được số máy, số khung, bị cáo T khai đã mua chiếc xe này của 01 người bạn không rõ lai lịch vào tháng 10/2017 với giá 1.500.000 đồng để làm phương tiện đi lại. Xét thấy xe không đủ điều kiện lưu hành, tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến về việc xử lý chiếc xe, Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

■ Tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Nguyễn Vũ Phi D.

[5] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và một phần quan điểm bào chữa của Luật sư về việc xem xét các tình tiết giảm nhẹ, không chấp nhận đề nghị xử phạt bị cáo D mức án thấp hơn mức án đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T);

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h, b, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo H);

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo D);

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 và Điều 260, Điều 299, Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 19; khoản 3 Điều 3 Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2017/TT-BCA ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an);

■ Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm “Tội Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn Vũ H, Nguyễn Vũ Phi D phạm “Tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Xử phạt:

1. Bị cáo Trần Văn T: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2017.
2. Bị cáo Nguyễn Văn Vũ H: 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2017.
3. Bị cáo Nguyễn Vũ Phi D: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2017.

■ Bu□c b□ c□ Tr□n V□n T c□ng□a v□ b□i th□□ng s□ ti□n 25.000.000 (hai m□□i l□m tri□u) □□ng cho b□Tr□n Th□ Duy H5, b□i th□□ng s□ ti□n 5.000.000 (n□m tri□u) □□ng cho zng Phan Nh□t M.

■ Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

1. Bị cáo Nguyễn Văn Vũ H nộp lại số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng.
2. Bị cáo Nguyễn Vũ Phi D nộp lại số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

■ Giao trả cho bị cáo Nguyễn Vũ Phi D:

- 01 (một) cái giấy đăng ký xe và 01 (một) cái giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Vũ Phi D;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu đỏ; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Vision; biển số: 50N1-253.84; SK: RLHJF5819GY032356; SM: JF66E0032364; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

■ Giao trả cho:

1. Bà Quách Phương N: 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Vision; SK: RLHJF5800EY094958; SM: JE58E0095098; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

2. Bà Ngô Thị Thúy L:

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu vàng bạc đen; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Vision; biển số: 59D1-328.22; SK: RLHJF3303CY004565; SM: JF33E0004660; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) cái giấy đăng ký xe mang tên Ngô Thị Thúy L;

3. Bà Nguyễn Thị Kiều D1:

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu đỏ; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Vision; biển số: 50N1-083.94; SK: RLHJF5802EY454392; SM: JF58E-0340135; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) cái giấy đăng ký xe mang tên P.T.T2.

4. Ông Phan Tấn Đ

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu đen xám; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Sirius; biển số: 65D1-282.93; SK: RLCUE1740GY024390; SM: E3T6E155686; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) cái giấy đăng ký xe mang tên Phan Tấn Đ;

5. Bà Trương Thị H1: 01 (một) cái giấy đăng ký xe mang tên Trương Thị H1;

6. Bà Phạm Thị H2: 01 (một) cái giấy đăng ký xe và 01 (một) cái giấy phép lái xe mang tên Phạm Thị H2;

7. Ông Nguyễn Công Q:

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Airblade; biển số: 59V2-523.15; SK: RLHJF6305FZ437840; SM: JF63E1437858; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) cái giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L4;

8. Bà Nguyễn Thị Thu H3:

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu đen xám; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Wave; biển số: 75X1-3784; SK: RLHJC4316AY038326; SM: JC43E1250869; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) cái giấy đăng ký xe tên Nguyễn Thị Thu H3;

9. Ông Võ Thái Hoàng H4:

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu trắng đỏ; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Nouvo; biển số: 59V2-259.37; SK: RLCSE9210FY042475; SM: E3R7E042486; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) cái giấy đăng ký xe mang tên T.T.T.H6;

10. Ông Nguyễn Thành L1: 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Sirius; SK: RLCUE3210HY104258; SM: E3X9E254707; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

11. Bà Thạch Thị Cẩm T1: 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Wave; SK: RLHHC12168Y016562; SM: HC12E-1016563; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

12. Bà Lê Ngọc L2: 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu trắng đen; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Taurus; SK: RLCS16S20BY157930; SM: 16S2157934; ghi chú: không gương, bàn thờ, đèn trước, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

■ Chuyển giao các biển số sau cho Công an Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo thẩm quyền, cụ thể: biển số 76H1-122.33, biển số 83P2-090.95, biển số: 59N2-717.72, biển số 53R4-9678, biển số 65S1-5591, biển số 83C1-174.72.

■ Chuyển giao Công an Thành phố Hồ Chí Minh các xe, giấy tờ sau đây để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo thẩm quyền:

- 01 (một) cái giấy đăng ký xe có biển số 70B1-199.45;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Exciter; biển số: 59S1-239.35; SK: RLCE55P10CY-071078; SM: 55P1-071082; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

+ 01 (một) cái giấy đăng ký xe biển số 59M1-278.32;

+ 01 (một) cái biển số xe 59M1-278.32;

+ 01 (một) cái điện thoại di động hiệu OPPO A39 (CE0700, không kiểm tra được loại A39 do không có nguồn điện); ghi chú: đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu xanh trắng; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Luvias; biển số: 59L2-016.60; SK: RLCL1SK10DY004288; SM: 1SK1004296; ghi chú: không gương, yên bị cong, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: không xác định; biển số: 59L2-548.71; SK: RLCE1S9408Y027563; SM: 1S94027563; ghi chú: không gương, đèn trước, bàn thờ, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Dream; biển số: 52S4-0271; SK: RRKDCGOTT6XY00507; SM: VTT14JL1P50FMG000507; không gương, bửng, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu trắng bạc; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Luvias; biển số: 63B8-110.44; SK: RLCL1SK10FY026287; SM: 1SK1026303; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Dream; biển số: 51S4-9009; SK: C100MN0216239; SM: C100MNE0216239; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Wave; biển số: 51H3-5507; SK: RLHHC09016Y397113; SM: HC09E6397182; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu đỏ đen; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Sirius; biển số: 64G1-040.72; SK: RLCS5C640CY736939; SM: 5C64736952; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

01 (một) cái giấy đăng ký xe mang tên H.P.V1;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu đen bạc; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Sirius; biển số: 92H4-0736; SK: RLCS5C6408Y027930; SM: 5C64027930; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

01 (một) cái giấy đăng ký xe mang tên P.T.T12;

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Taurus; biển số: 67K1-067.09; SK: RLCS16S20BY162913; SM: 16S2162916; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

01 (một) cái giấy đăng ký xe mang tên P.V.K1;

- 01 (một) xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Wave; biển số: 51S7-8599; SK: RLHHCO9013Y373180; SM: HCO9E0373248; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) xe hai bánh gắn máy màu xanh đen; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Airblade; biển số: 54V4-4185; SK: RLHJF18018Y763607; SM: JF18E5370581; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

- 01 (một) xe hai bánh gắn máy màu trắng xanh đen; nhãn hiệu: Yamaha; loại xe: 02 bánh; số loại: Exciter; biển số: 59B1-070.42; SK: RLCE1S9AOBY008957; SM: 1S9A008948; ghi chú: không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

■ Giao trả cho ông H.V.L3 01 (một) cái điện thoại di động Nokia màu đen; ghi chú: đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy;

■ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu nâu; nhãn hiệu: Honda; loại xe: 02 bánh; số loại: Dream; biển số: 83D2-137.28; SK: mài đục, không xác định; SM: mài đục, không xác định; ghi chú: không gương, chân chống ngang, cục đèn, bàn thờ, bình, đồng hồ, nắp lọc, bao sên, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra;

■ Tạm giữ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Nguyễn Vũ Phi D;

(Tang vật vụ án theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 141/19 ngày 08/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; tiền theo Giấy nộp tiền số HD – Invoice NO: 291018.G830.0048 ngày 29/10/2018 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Thành – BL 358)

■ Những tranh chấp phát sinh từ các mối quan hệ dân sự ghi nhận tại các tài liệu như Hợp đồng cầm đồ và thế chấp tài sản (ở các BL 807, 808, 809, 811, 812); Hợp đồng cầm đồ (ở các BL 771, 772, 773, 775, 777, 778, 779, 780, 828), các bên giải quyết bằng pháp luật dân sự khi có yêu cầu.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T phải nộp 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong, nếu bị cáo T chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên, thì căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng tháng bị cáo T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức

lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (3)
- Bị cáo; (3)
- Bị hại; (24)
- Người có QLVNQLQ; (20)
- Luật sư; (1)
- Thi hành án hình sự; (3)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (6)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (70) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan